

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 25



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 12 tháng 3 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Ngày 20 tháng 5 năm 2015
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 25 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Ngày 22 tháng 2 năm 2017

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Trần Vinh Quang, bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2015.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

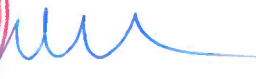
Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:




Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61343540/20392078-SX-TVAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 4 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.693.350.956	58.319.076.004
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	5.812.994.775	1.496.523.062
111	1. Tiền		812.994.775	1.496.523.062
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	26.892.600.000	27.270.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5.1	27.270.000.000	27.270.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.2	(377.400.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	1.879.099.405	29.511.740.942
132	1. Trả trước cho người bán		-	510.668.605
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		1.878.460.516	29.001.072.337
135	3. Các khoản phải thu khác		638.889	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		108.656.776	40.812.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	65.630.800	40.812.000
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	43.025.976	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		732.898.353	79.931.159
260	I. Tài sản dài hạn khác		732.898.353	79.931.159
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	715.102.868	56.352.897
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	17.795.485	23.578.262
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		35.426.249.309	58.399.007.163
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.140.598.082	16.177.394.535
310	I. Nợ ngắn hạn		6.140.598.082	16.177.394.535
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	143.645.231	7.138.266.107
315	2. Phải trả người lao động		3.950.000.000	6.693.658.812
316	3. Chi phí phải trả	11	50.000.000	70.000.000
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		3.092.500	1.890.000.000
323	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.993.860.351	385.469.616
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		29.285.651.227	42.221.612.628
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.189.664.983	1.189.664.983
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.189.664.983	1.189.664.983
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		1.906.321.261	14.842.282.662
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		35.426.249.309	58.399.007.163

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		27.000.000.000	27.000.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch	5	27.000.000.000	27.000.000.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		128.801.523.510	124.334.126.762
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	20	128.801.523.510	124.334.126.762
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		281.541.129.056	260.813.509.411
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	21	281.541.129.056	260.813.509.411
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		172.287.809	1.077.000.000
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		7.211.266	18.792.375.361
		23		

Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Khanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
01	1. Doanh thu		5.276.769.240	2.450.707.455
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	13	5.276.769.240	2.450.707.455
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	14	(2.734.632.678)	(1.931.134.688)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2.542.136.562	519.572.767
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	15	82.138.101	38.286.602
22	6. Chi phí tài chính	5.2	(377.400.000)	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(686.987.995)	(164.665.225)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.559.886.668	393.194.144
31	9. Thu nhập khác		-	-
40	10. Lợi nhuận khác		-	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.559.886.668	393.194.144
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.2	(387.457.334)	(78.638.829)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.172.429.334	314.555.315
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	469	126




Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng




Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 10 tháng 8 năm 2018

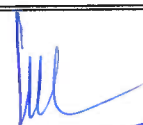
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.559.886.668	393.194.144
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
03	1. Các khoản dự phòng	5.2	377.400.000	-
05	2. Lãi từ hoạt động đầu tư	15	(82.138.101)	(38.286.602)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		1.855.148.567	354.907.542
09	1. Giảm các khoản phải thu		27.128.394.598	8.314.856.117
11	2. Giảm các khoản phải trả		(6.694.285.259)	(1.542.287.086)
12	3. Tăng chi phí trả trước		(172.900.166)	(92.503.213)
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(5.381.385.239)	(1.575.364.297)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.734.972.501	5.459.609.063
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Lãi tiền gửi thu được		81.499.212	25.081.047
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		81.499.212	25.081.047
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.500.000.000)	(6.250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(12.500.000.000)	(6.250.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.316.471.713	(765.309.890)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.496.523.062	2.516.347.585
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	5.812.994.775	1.751.037.695


Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập


Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B05a-CTQ


BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2017 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017		Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		385.469.616	1.189.664.983	-	-	-	-	385.469.616	1.189.664.983
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		385.469.616	1.189.664.983	-	-	-	-	385.469.616	1.189.664.983
4. Lợi nhuận chưa phân phối		7.002.235.663	14.842.282.662	314.555.315	(6.635.469.616)	1.172.429.334	(14.108.390.735)	681.321.362	1.906.321.261
TỔNG CỘNG		32.773.174.895	42.221.612.628	314.555.315	(6.635.469.616)	1.172.429.334	(14.108.390.735)	26.452.260.594	29.285.651.227

Trong kỳ, Công ty đã trích 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2017 để lập quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.608.390.735 đồng và thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 50% mệnh giá cổ phiếu cho cổ đông với tổng số tiền là 12.500.000.000 đồng theo Nghị quyết 0204/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị.



Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 12 tháng 3 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 10 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012.

2.3 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cuối niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí tài chính*" trong kỳ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Lợi ích của nhân viên

3.7.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.7.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	
	<i>Mức trích lập từ</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.12 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Tiền mặt bằng VND	42.249.187	30.677.090
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	770.745.588	1.465.845.972
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	666.049.045	744.900.352
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	91.550.589	707.838.712
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	13.145.954	13.106.908
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng bằng VND	5.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	5.000.000.000	-
	5.812.994.775	1.496.523.062

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư chứng chỉ quỹ	27.270.000.000	27.270.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(377.400.000)	-
	26.892.600.000	27.270.000.000

5.1. Đầu tư ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	Số lượng chứng chỉ quỹ (chứng chỉ quỹ)	Giá trị sổ sách kế toán VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn			
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	2.400.000	24.240.000.000	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	300.000	3.030.000.000	(377.400.000)
	2.700.000	27.270.000.000	(377.400.000)

5.2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Chi tiết dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Số đầu kỳ/năm	-	-
Trích lập trong kỳ/năm	377.400.000	-
Số cuối kỳ/năm	377.400.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	1.046.244.452	12.791.902.386
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	832.216.064	-
Phải thu khác	638.889	-
Phí quản lý danh mục đầu tư Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Thuyết minh số 19)	-	16.209.169.951
Trả trước cho Công ty Cổ phần Công Nghệ HAC Việt Nam	-	510.668.605
	1.879.099.405	29.511.740.942

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Cước phí internet	24.750.000	19.800.000
Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	18.451.800	-
Khác	22.429.000	21.012.000
	65.630.800	40.812.000

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Sửa chữa văn phòng	681.502.877	-
Chi phí xây dựng website	17.233.329	26.633.331
Công cụ, dụng cụ	16.366.662	29.719.566
	715.102.868	56.352.897

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Đặt cọc phí taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	2.795.485	8.578.262
	17.795.485	23.578.262

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh 17.2</i>)	4.950.901.929	387.457.334	(5.381.385.239)	(43.025.976)
Thuế thu nhập cá nhân	1.321.884.558	151.436.087	(1.402.834.034)	70.486.611
Thuế khác	865.479.620	82.158.620	(874.479.620)	73.158.620
	7.138.266.107	621.052.041	(7.658.698.893)	100.619.255
<i>Số phải nộp</i>		(7.138.266.107)		(143.645.231)
<i>Số phải thu</i>		-		43.025.976

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là chi phí dịch vụ chuyên môn.

12. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	24.800.000.000	99,20
Trần Vinh Quang	100.000.000	0,40
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,40
	25.000.000.000	100,00

13. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Phí phát hành chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 (<i>Thuyết minh số 19</i>)	1.700.000.000	-
Phí quản lý danh mục đầu tư	1.698.308.724	1.606.099.933
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (<i>Thuyết minh số 19</i>)	1.698.308.724	1.602.850.759
- Khác	-	3.249.174
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (<i>Thuyết minh số 19</i>)	1.046.244.452	844.607.522
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 (<i>Thuyết minh số 19</i>)	832.216.064	-
	5.276.769.240	2.450.707.455

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>
Chi phí nhân viên	1.370.580.880	1.463.665.694
Phí môi giới cho dịch vụ phát hành chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	681.586.200	-
Chi phí thuê văn phòng	241.419.017	178.857.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.440.233	24.239.917
Chi phí đồ dùng văn phòng	107.940.766	14.215.838
Thuế, phí và lệ phí	6.542.000	38.771.544
Chi phí bằng tiền khác	190.123.582	211.383.975
	2.734.632.678	1.931.134.688

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản tiền lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng.

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	477.319.290	140.282.731
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	8.827.482
Thuế, phí và lệ phí	9.698.930	3.740.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.285.083	2.304.826
Chi phí khác	197.684.692	9.509.713
	686.987.995	164.665.225

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

17.2 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.559.886.668	393.194.144
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	311.977.334	78.638.829
Khoản điều chỉnh tăng	75.480.000	-
Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính	387.457.334	78.638.829

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty (VND)	1.172.429.334	314.555.315
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	469	126

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
			<i>6 tháng kết thúc</i>	<i>6 tháng kết thúc</i>
			<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2018</i>	<i>năm 2017</i>
			VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu nhập phí quản lý (Thuyết minh số 13)	1.698.308.724	1.602.850.759
		Tăng tiền gửi ủy thác	270.427.615.363	227.360.592.496
		Giảm tiền gửi ủy thác	(265.960.218.615)	(207.255.814.237)
		Chi trả cổ tức	12.400.000.000	6.200.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh số 13)	1.046.244.452	844.607.522
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh số 13)	832.216.064	-
		Thu nhập từ phát hành chứng chỉ quỹ (Thuyết minh số 13)	1.700.000.000	-
Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp	1.674.638.674	977.172.880

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
			<i>năm 2018</i>	<i>năm 2017</i>
			VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh số 6)	-	16.209.169.951
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	24.240.000.000	24.240.000.000
		Thu phí quản lý quỹ (Thuyết minh số 6)	1.046.244.452	12.791.902.386
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ (Thuyết minh số 6)	832.216.064	-
		Đầu tư ngắn hạn	3.030.000.000	3.030.000.000
Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp	-	(1.890.000.000)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Số dư đầu kỳ	124.334.126.762	68.727.795.841
Tăng trong kỳ	270.427.615.363	533.123.056.140
Giảm trong kỳ	(265.960.218.615)	(477.516.725.219)
Số cuối kỳ	128.801.523.510	124.334.126.762

21. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Cổ phiếu niêm yết	281.541.129.056	260.813.509.411
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
MWG	32.773.069.000	20.426.981.000
BSR	27.581.610.000	-
TCM	25.612.700.525	-
VSC	23.353.347.814	22.757.158.799
KBC	22.128.992.650	19.130.420.591
LPB	17.034.410.000	-
PNJ	15.560.460.000	-
CII	10.856.079.000	-
HUT	10.800.000.000	17.077.010.000
DHC	10.603.000.000	-
SCR	8.217.000.000	-
DCM	8.075.137.000	-
CEE	7.380.000.000	10.108.799.500
MBB	5.916.000.000	-
FCN	5.195.763.228	-
ACV	4.577.720.000	-
C32	2.657.595.934	-
KSB	2.517.165.000	4.477.617.500
GMD	2.309.000.000	-
REE	2.284.000.000	-
PLX	2.159.250.000	-
FPT	1.348.442.851	-
DMC	693.600	-
CTD	679.500	-
HSG	196.000	254.500
CEO	-	24.146.526.857
PME	-	2.213.700.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

22. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i> VND
Phải thu bán chứng khoán	-	485.000.000
Phải thu cổ tức	170.370.000	592.000.000
Phải thu lãi tiền gửi	1.917.809	-
	<u>172.287.809</u>	<u>1.077.000.000</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i> VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	2.577.942.594
Phải trả phí khác	7.211.266	16.214.432.767
	<u>7.211.266</u>	<u>18.792.375.361</u>

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i> VND
Dưới 1 năm	<u>143.086.176</u>	<u>357.715.440</u>

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

25.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

25.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHỈNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	812.994.775	5.000.000.000	-	5.812.994.775
Đầu tư ngắn hạn - gộp	27.270.000.000	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	1.878.460.516	-	1.878.460.516
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	17.795.485	17.795.485
Các khoản phải thu khác	-	638.889	-	638.889
	28.082.994.775	6.879.099.405	17.795.485	34.979.889.665
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	50.000.000	-	50.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.496.523.062	-	-	1.496.523.062
Đầu tư ngắn hạn - gộp	27.270.000.000	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	29.001.072.337	-	29.001.072.337
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	23.578.262	23.578.262
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
	28.766.523.062	29.001.072.337	23.578.262	57.791.173.661
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	70.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.812.994.775	1.496.523.062	5.812.994.775	1.496.523.062
Đầu tư ngắn hạn - gộp	27.270.000.000	27.270.000.000	32.892.600.000	34.110.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.878.460.516	29.001.072.337	1.878.460.516	29.001.072.337
Ký quỹ, ký cược dài hạn	17.795.485	23.578.262	17.795.485	23.578.262
Các khoản phải thu khác	638.889	-	638.889	-
	34.979.889.665	57.791.173.661	40.602.489.665	64.631.173.661
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	50.000.000	70.000.000	50.000.000	70.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn lấy theo giá đóng cửa của chứng khoán niêm yết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

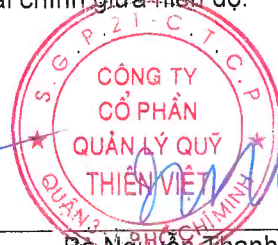
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

